

MỘT ƯỚC NGUYỆN NGÀY TẾT: DÂN VIỆT NAM CÓ MỘT HỢP ĐỒNG XÃ HỘI ĐÚNG ĐẮN VÀ HỢP THỜI

TÔN THẮT THIÊN

Hợp đồng xã hội năm 1945-1946 đã bị ông Hồ và đảng Cộng Sản xé bỏ. Nhân dân Việt Nam cần có một hợp đồng khác đúng đắn và thích hợp với tình hình mới.

1945, và Hiến pháp Việt Nam mà ông công bố ngày 2-11-1946. Tôi sẽ bàn chi tiết về hai bản văn này ở đoạn dưới, sau khi đặt vấn đề hợp đồng xã hội trong bối cảnh lịch sử và hiện tình quốc tế.

I. Cũ, mới

Tết là một dịp vui trong gia đình, họ hàng, làng xóm. Nhưng nó cũng là một dịp cho chúng ta cầu xin, ước nguyện, cho cá nhân, cho gia đình, và trong tình trạng bi đát hiện nay, cho xứ sở.

Năm Đinh Sửu này, ước nguyện của riêng tôi là Việt Nam yêu dấu của chúng ta có một hợp đồng xã hội mới, giữa chính quyền và dân, và giữa dân với nhau, trên giấy tờ — bài bản — cũng như trong tâm trí — lương tâm và trí tuệ —, có những cam kết đúng đắn, rõ ràng, nghiêm chỉnh, thích hợp với tình hình của xứ sở và xã hội Việt Nam cùng tình hình thế giới hiện tại và hướng đi của nhân loại.

Tôi đề cập đến một hợp đồng xã hội mới vì có một hợp đồng xã hội cũ, thuộc về năm 1945-1946, chứa những cam kết giữa chính quyền — hồi đó là ông Hồ và đảng Cộng Sản —, và nhân dân Việt Nam, đặc biệt là cả một thế hệ thanh niên. Một phần lớn của những thanh niên này thuộc mọi thành phần, nặng cân nhất là trí thức, trung và tiểu tư sản, những thành phần ưu tú rất cần thiết cho một phong trào tranh đấu vừa dựng lên, đã tận tình hợp tác với Việt Minh, và sau đó, với đảng Cộng Sản Việt Nam, và giúp cho đảng này đoạt chính quyền, củng cố và mở rộng chính quyền. Họ đã không chút do dự hy sinh tất cả — sự nghiệp, tài sản, cả cuộc đời của họ — tham gia cuộc tranh đấu, mà, theo hợp đồng xã hội lúc đó, mục đích là độc lập, tự do dân chủ, và một đời sống tốt đẹp để chịu hơn.

Hợp đồng xã hội trên đây vừa là một hợp đồng tình thân — giữa ông Hồ và những người đã vì tin ông mà theo Việt Minh và ĐCS —, vừa là một hợp đồng có văn bản giấy tờ: Tuyên ngôn độc lập mà ông Hồ đọc ngày 2-9-

II. Từ Rousseau đến Gingrich

Tên Jean Jacques Rousseau chắc quen thuộc với mọi người như một văn hào Pháp danh tiếng thuộc thế kỷ XVIII. Nhưng sự quan trọng của ông trong lịch sử nhân loại là sự kiện ông là người đầu tiên đề xướng ra khái niệm “hợp đồng xã hội,” với hai khái niệm “chủ quyền nhân dân,” và “nghị viện,” hai khái niệm dần dần được dân chúng Tây phương chấp nhận và lấy làm nền tảng cho chế độ cộng hòa và nghị viện của họ.

Điểm chính trong quan niệm của Rousseau là chính quyền (quốc gia-chính phủ) phải do nhân dân chọn cử và được nhân dân ủy nhiệm cho quyền cai trị. Nhân dân thỏa thuận với nhau ủy quyền cho một nghị viện thay thế họ xử lý công việc quốc gia vì vấn đề nhiều và phải giải quyết, nhân dân không thể tự họ thường xuyên để quyết định về tất cả mọi việc. Giữa nhân dân và nghị viện có một thỏa hiệp: nghị viện phải làm theo ý dân và phục vụ quyền lợi của nhân dân. Nó chỉ có lý do tồn tại nếu thi hành nhiệm vụ này. Nếu không, dân có quyền thay thế nó bằng một nghị viện khác.

Thỏa hiệp trên đây vừa có tính cách tinh thần, vừa được ghi vào một bản văn căn bản. Bản văn này là Hiến pháp của nước. Hiến pháp ấn định rõ ràng quyền hạn và nghĩa vụ của công dân và của những cơ quan chính quyền do dân cử. Mọi sinh hoạt trong nước căn cứ trên Hiến pháp này. Không ai có quyền đứng trên Hiến pháp.

Các ý chính về quan niệm trên đây cũng đã được nhà triết gia Anh, John Locke đưa ra vào thế kỷ XVII, cùng thuyết phân quyền — tam quyền phân lập — và được Charles Montesquieu phổ cập. Thuyết này, chung với các

quan niệm của Rousseau và Locke, là căn bản của chế độ của các quốc gia dân chủ ngày nay.

"Hợp đồng xã hội" là cơ sở của đời sống chính trị xã hội của những quốc gia trên đây, tuy nó không được nêu danh thường xuyên. Chỉ trong những năm gần đây từ này mới được dùng lại trong cuộc vận động tranh cử của Đảng Cộng Hòa Mỹ, và người nhắc nhiều đến nó nhất là ông Newt Gingrich, nay là chủ tịch Hạ Viện Hoa Kỳ.

Nhưng có lẽ Việt Nam là nơi mà danh từ, và nhất là khái niệm "hợp đồng xã hội" cần được nhắc nhở hơn cả, vì nhân dân Việt Nam cũng đã có một hợp đồng xã hội, nhưng hợp đồng này đã bị xé bỏ, gây ra những thảm trạng lớn cho xứ sở và cho nhiều người Việt trong 50 năm qua. Sự kiện này được ít người để ý. Do đó, cần nhắc lại những sự kiện lịch sử liên hệ đến nó.

III. Hợp đồng xã hội năm 1945-1946

Sự kiện căn bản là Việt Nam đã có một hợp đồng xã hội, tuy rằng hầu như không ai đề cập đến nó. Đó là hợp đồng xã hội năm 1945-1946, một hợp đồng rất tốt đẹp. Không biết bao nhiêu người đã hy sinh tất cả vì nó.

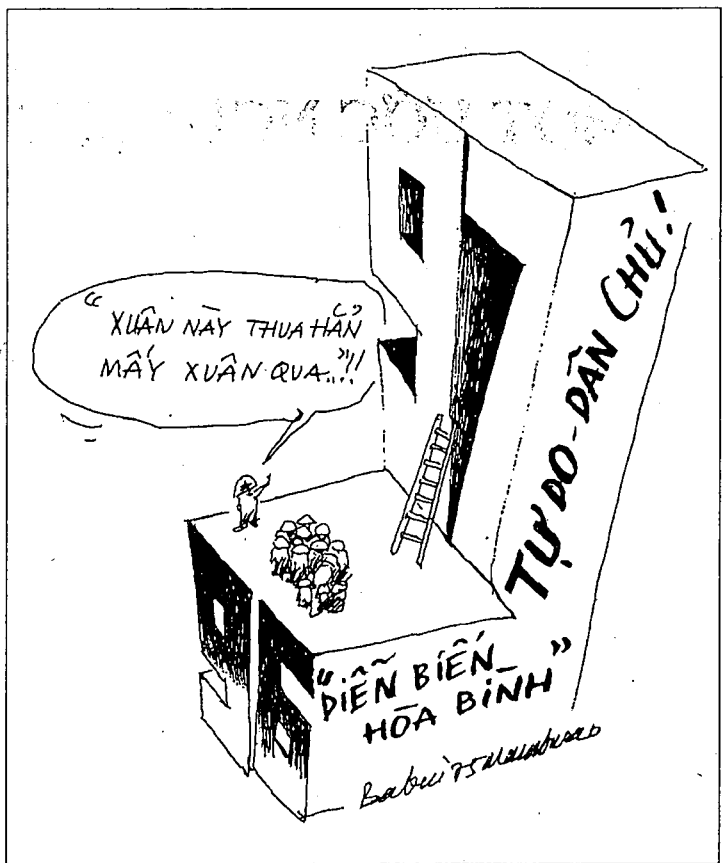
Những người hăng hái đi theo Việt Minh, và sau đó, theo ĐCSVN, chấp nhận những hy sinh lớn lao, vì họ tin tưởng rằng họ đi tranh đấu cho những mục tiêu mà ông Hồ đã long trọng công bố trong Tuyên ngôn độc lập ngày 2-9-1945, và Hiến pháp ngày 9-11-1946.

Trong Tuyên ngôn độc lập, ông Hồ tuyên bố:

"Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không có thể ai xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do, và quyền mưu cầu hạnh phúc."

.....
"Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi."

Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được."
Những điều đẹp đẽ trên được bỏ tước và cụ thể hóa trong Hiến pháp mà ông Hồ ban bố ngày 9-11-1946;



Điều 1: "Nước Việt Nam là một nước dân chủ cộng hòa. Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo."

Điều 7 "Tất cả nhân dân Việt Nam đều ngang quyền về mọi phương diện chính trị, kinh tế, văn hóa."

Điều 10: "Công dân Việt Nam có quyền tự do ngôn luận, tự do xuất bản, tự do tổ chức và hội họp, tự do tín ngưỡng, tự do cư trú, đi lại trong nước và ra ngoài nước."

Điều 12: "Quyền tư hữu tư sản của công dân Việt Nam được bảo đảm."

Trên đây là những điều ông Hồ và ĐCSVN đã cam kết với nhân dân lúc kêu gọi nhân dân gia nhập hàng ngũ Việt Minh và sau này, hàng ngũ ĐCS, để tranh đấu trong những năm 1945-1954. Những mục tiêu này thâu gọn trong ba khẩu hiệu: độc lập, tự do, hạnh phúc.

Rõ ràng là những cam kết trên đây nhằm thực hiện độc lập quốc gia và thiết lập một chế độ cộng hòa và dân chủ, trong đó tất cả các nhân quyền, kể cả tự do tư tưởng và quyền tư hữu tư sản, được bảo đảm. Tuyệt đối không có chuyện xây dựng chủ nghĩa xã hội để đi đến chế độ cộng sản. Tuyệt đối không có vấn đề ĐCSVN nắm hết quyền hành, đứng trên tất cả. Tuyệt đối không có chuyện gia nhập khối

cộng sản do Liên Xô lãnh đạo. Tuyệt đối không có chuyện tố khổ từ trung nông trở lên. Tuyệt đối không có chuyện buộc trí thức phải cải huấn. Tuyệt đối không có chuyện cải tạo xã hội chủ nghĩa các giới tư sản. Tuyệt đối không có chuyện kỳ thị giai cấp, lấy lý lịch làm tiêu chuẩn trong mọi việc. Tuyệt đối không có chuyện chuyên chế vô sản, đấu tranh giai cấp, và nhân danh giai cấp tham dự vào việc người Việt bóc lột giết hại người Việt.

Những điều trên đây được nêu rõ trong danh xưng của nước: "Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa": *dân chủ* và *cộng hòa*. Chỉ có chừng đó. Điều này được các lý thuyết gia về Hiến pháp và luật pháp của ĐCSVN xác nhận. Ví dụ, Nguyễn Ngọc Minh, Viện trưởng Viện luật học quốc gia, trong một tác phẩm soạn với sự hợp tác và chuẩn y của các lãnh tụ cao cấp của Đảng (1), xác nhận rằng: Điều 1 của Hiến pháp 1946 ghi rõ "không phân biệt giai cấp, vì Việt Nam đang trong thời kỳ cách mạng giải phóng dân tộc, chưa phải là cách mạng xã hội chủ nghĩa" (NNM, tr.100), và Đỗ Xuân Sang, một luật gia của chính quyền miền Bắc, cũng nhấn mạnh rằng: "Hiến pháp năm 1947 chưa phải là một Hiến pháp xã hội chủ nghĩa vì quyền tư hữu tư sản được Hiến pháp bảo đảm..." (2)

Đó là những cam kết của ông Hồ và ĐCSVN với nhân dân Việt Nam lúc họ mới cầm quyền. Và cũng vì tin rằng, với những cam kết như vậy mình tham gia vào một cái gì hết sức đúng đắn và đẹp đẽ, xứng đáng cho nam nhi, và cả nữ nhi, có lý tưởng, có chí khí, có khả năng, hàng ngàn hàng vạn thanh niên thiếu nữ đã bỏ tất cả, hoàn toàn quên mình, chấp nhận những hy sinh gian khổ rất lớn để gia nhập hàng ngũ Việt Minh, rồi cộng sản, "theo Bác Hồ."

Nhờ sự tham gia rộng rãi và giúp sức toàn tâm toàn lực của không biết bao nhiêu thanh niên thiếu nữ có những đức tính và khả năng như trên thuộc các giới trí thức, tiểu tư sản, tư sản, mà ông Hồ và ĐCSVN mới qua được giai đoạn gian nan nhứt, nắm được chính quyền và củng cố chính quyền.

IV. Năm 1951, ông Hồ xé bỏ hợp đồng xã hội 1945-1946

Năm 1950, với sự yểm trợ quy mô của Trung Cộng, ông Hồ và ĐCSVN chắc chắn rằng họ sẽ thắng. Do đó, tại Đại hội II của Đảng vào tháng 2 năm 1951 họ cho Đảng công khai lộ diện, tuy vẫn còn dưới danh xưng là Đảng Lao Động Việt Nam. Nhưng trong diễn văn đọc tại Đại Hội, ông Hồ công khai tuyên bố rằng "Việt Nam ta là một bộ phận

của phe dân chủ thế giới [nghĩa là phe cộng sản do Liên Xô lãnh đạo]. Và ông giải thích rằng ĐLĐVN "theo chủ nghĩa Mác-Lê-nin," và mục đích trước mắt của Đảng là "xây dựng điều kiện để tiến đến chủ nghĩa xã hội."

Tiếp theo đó, tháng 2 năm 1953 ông phát động chiến dịch "chỉnh huấn," buộc trí thức phải "lao động hóa," hết lòng phục vụ cách mạng, "không thể đứng ngoài giai cấp," nếu không sẽ "bị kẹp như cây mía giữa máy ép." Cũng năm đó, ông phát động cuộc cải cách ruộng đất, mà ông gọi là "một cuộc đấu tranh giai cấp ở nông thôn rất rộng lớn."

Những biện pháp nói trên là những biện pháp đầu của giai đoạn "quá độ lên chủ nghĩa xã hội." Về điểm này, ông Nguyễn Ngọc Minh nhắc lại "Cương lĩnh Gotha" của Marx: thời kỳ quá độ sang xã hội chủ nghĩa là thời kỳ "trong đó nhà nước không thể là cái gì khác hơn là chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản." (NNM, p.177)

Những quyết định trên đây của ông Hồ và ĐCSVN nói lên một sự kiện căn bản: họ đã dương nhiên xóa bỏ những cam kết với quốc dân trong Tuyên ngôn độc lập 2-9-1945 và Hiến pháp 9-11-1946, nghĩa là hợp đồng xã hội với quốc dân Việt Nam, và áp đặt một chế độ mới bằng một quyết định nội bộ của Đảng. Sự bội ước này có một hậu quả rất quan trọng, mà ít ai để ý, là: những người đã theo Việt Minh, rồi ĐCSVN, không còn bị ràng buộc gì với Đảng và chế độ cộng sản nữa.

Mãi đến năm 1960 một Hiến pháp khác mới được ban hành: Hiến pháp ngày 1-1-1960. Trước đó một năm, ông Hồ phát động chiến dịch "cải tạo xã hội," để thanh toán hết tàn dư tư sản, kể cả tư sản trước kia được xếp vào loại "tư sản dân tộc yêu nước" và được để yên, nhưng nay bị "cải tạo" vì, ông Hồ giải thích, Đảng đã "có đủ điều kiện" — nghĩa là đủ mạnh — để ép họ theo con đường xã hội chủ nghĩa. Những phần tử này, cũng như trí thức năm 1953, bị đẩy vào thế kẹt, không có đường thoát. Như ông Nguyễn Hộ nói, họ trở nên tù nhân của chế độ cộng sản. Dù họ có thấy sự mưu mô xảo quyệt của ông Hồ và ĐCSVN, ý thức rằng mấy người này đã trắng trợn xé bỏ hợp đồng xã hội năm 1945-1946, họ cũng bó tay.

V. Thế nào là "vận dụng sáng tạo" chủ nghĩa Mác Lê-nin?

Hiến pháp 1960 chỉ xác nhận một sự đã rồi: sự thay thế chế độ dân chủ cộng hòa bằng chế độ xã hội chủ nghĩa. Tuy danh xưng của nước không thay đổi, vẫn là "Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa," nhưng, như ông Phạm Văn Đồng (Thủ Tướng) giải thích: 1. "Đó là một chính

quyền, một nhà nước cách mạng, do giai cấp công nhân và chính đảng của nó lãnh đạo,” và 2. “Chính quyền nhà nước ấy đứng trong mặt trận dân chủ do Liên Xô lãnh đạo.” (NNM, tr.104)

Từ năm 1960, ông Hồ và ĐCSVN tiếp tục đẩy Việt Nam “tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc, lên chủ nghĩa xã hội” mà không ai có khả năng ngăn chặn được, trừ phi có những biến chuyển lớn và bất ngờ, ngoài vòng kiểm soát của ĐCSVN, đặc biệt là trên chính trường thế giới.

Thực ra, như Nguyễn Ngọc Minh giải thích, ngay từ năm 1954 Đảng đã nhận định rằng Cách mạng Việt Nam “đã chuyển sang giai đoạn mới.” Đảng phải sử dụng chính quyền dân chủ của nhân dân để làm nhiệm vụ của chuyên chính vô sản... Và ông ta giải thích một cụm từ mà chúng ta thường nghe, nhưng vẫn tự hỏi ý nghĩa thật của nó là thế nào. Đó là “vận dụng sáng tạo,”

trong câu “vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lê-nin vào điều kiện thực tế Việt Nam,” một biệt tài của ông Hồ. Ông Minh giải thích sự kiện trên đây như sau:

“Ở đây có vấn đề hình thức của nhà nước và thực chất nội dung những nhiệm vụ của nhà nước (nhiệm vụ của chuyên chính vô sản)... Đây là một thí dụ về cách vận dụng sáng tạo lý luận Mác-Lê-nin về nhà nước vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta.” (NCM, tr.185) Như vậy, “vận dụng sáng tạo” là lừa gạt hay! Biết bao

những người theo Việt Minh và ĐCSVN trong những năm 1945-1950

làm sao mà nhận thức được họ đã bị ông Hồ và ĐCSVN “vận dụng sáng tạo” — lừa gạt — thế nào! Chính ông Giáp cũng phải than van rằng trong Đảng có tệ đoan: “hối một đường, làm một nẻo” (3). Đó là “dĩ bất biến ứng vạn biến” của ĐCSVN!

Có một điểm tưởng cũng cần nhắc đến, là: không những dân chủ, cộng hòa, tự do, hạnh phúc, quyền tự sản, quyền tự do ngôn luận v.v... tiêu biến, mà ngay cả độc lập cũng không có. Trái với điều đa số thường nghĩ, Việt Nam dưới chế độ cộng sản không hề có độc lập vì, theo quy chế của Đệ Tam Quốc tế đến

1943, và theo lối sinh hoạt của khối cộng sản sau 1945, ĐCSVN phải đệ trình dự án Cương lĩnh của mình cho lãnh đạo ĐCS Liên Xô cứu xét và chấp thuận trước khi đưa ra trình đại hội ĐCSVN. Đảng làm gì cũng phải trình xin phép Moskôva trước! Vì Cương lĩnh của Đảng là chính sách của nước, nên rõ ràng là: Việt Nam lệ thuộc ngoại bang. Điều này Chính Trị Bộ và Trung Ương Đảng giấu kín, nhưng năm 1988, sau chuyến đi Moskôva của Nguyễn Đức Bình, đại diện Trung Ương Đảng, nhờ sự kiện đại diện ĐCS Nga bác bỏ dự án Cương lĩnh Đại hội VII các ông trình, và xài xể các ông ấy, bị tiết lộ ra nên chúng ta biết được rõ về tình trạng lệ thuộc ngoại bang này của Việt Nam.

Sau Hiến pháp 1960 còn có những Hiến pháp năm 1980 và 1992 nữa, nhưng chúng ta không cần xét hai Hiến pháp này, vì tình trạng



hiện nay chỉ làm một sự tô vẽ và làm nặng thêm phần “chủ nghĩa xã hội” đã được quyết định từ năm 1951, và có thể nói ngay từ trước đó nữa, theo kế hoạch và chiến lược “từng giai đoạn” bí mật của ông Hồ và ĐCSVN. Các Hiến pháp này chỉ thể chế hóa chặt chẽ hơn nữa tính chất “xã hội chủ nghĩa” Mác Lê-nin của chế độ, và quyền tối thượng và không giới hạn của ĐCSVN, nghĩa là của Chính Trị Bộ.

Cần một hợp đồng xã hội mới

Như đã trình bày rõ ở trên đây, hợp đồng xã hội, sự cam kết của ông Hồ và ĐCSVN về

những mục tiêu rất đẹp đẽ và chính đáng, đã lôi kéo biết bao nhiêu thanh niên không có ý định theo cộng sản và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam năm 1945-1946, đã bị ông ta và đồng chí xé bỏ từ năm 1951, và từ đó những thanh niên này bị tình hình quốc nội và quốc tế đặt vào một tình trạng tù nhân của ĐCSVN.

Tình hình quốc nội — chiến tranh độc lập — và như là tình hình quốc tế trước và sau 1951 — nguy cơ phát xít — có lợi cho cộng sản. Nó cho Liên Xô và Stalin hình ảnh cứu tinh của nhân loại, lại làm cho thanh niên Việt Nam không thấy được sự thực. Tình trạng này đã được một tác giả cựu cộng sản, Francois Furet, phân tích trong một tác phẩm rất phong phú và sâu sắc: *Le passé d'une illusion: essai sur l'idée communiste au XX^e siècle.* (4) Theo ông Furet, chế độ bôn-sê-vích Mác-Lê-nin-Stalin chỉ là một chế độ kết hợp những thành phần côn đồ và phiêu lưu, dựa trên bạo lực và nói láo. Nhưng nhờ nó phải tận lực chống phát xít vì nó bị Hitler đe dọa nặng hơn hết, trong khi các chính phủ Âu Châu có xu hướng tránh né, nên nó được coi như là cứu tinh của nhân loại. Sau khi phát xít bị đánh bại, nó đứng trong hàng ngũ của phe chiến thắng lại thêm hào quang và được coi như tiêu biểu cho tương lai.

Nhưng với sự Liên Xô xâm lăng và đàn áp nhân dân Hungari năm 1956, và như là nhân dân Tiệp Khắc năm 1968, mặt thực của chế độ cộng sản càng ngày càng được dư luận thấy rõ. Sự suy thoái tụt hậu của kinh tế Liên Xô trong những thập niên 1970 và 1980 đưa đến những quyết định của Gorbachev về *Glasnost* và *Perestroika*, như đã nói ở trên, càng làm rõ tính chất lạc hậu, và bộ mặt khố u của chế độ cộng sản. Ở trong xứ, mặt thật của chế độ cộng sản đã được những đảng viên bỏ Đảng phơi bày, như tác phẩm *Mặt Thật* (Saigon Press, Ca, 1993) của cựu Đại tá Bùi Tín, và những phân tích của các học giả sống trong chế độ cộng sản, như Hà Sĩ Phu, Lữ Phương, v.v...

Những biến chuyển quốc tế lớn tất nhiên ảnh hưởng đến Việt Nam. Như ông Giáp nói: sự sụp đổ của Liên Xô và sự tan rã của ĐCS Liên Xô “không thể không ảnh hưởng đến nhân dân các nước, trong đó có nhân dân ta” (VNG, tr.136). Các lãnh tụ cao cấp khác của Đảng, Nguyễn Văn Linh, Đỗ Mười v.v... các lý luận gia về cơ quan tuyên truyền của Đảng cũng đều thú nhận như ông Giáp.

Vấn đề tồn vong của Đảng do chính lãnh đạo của Đảng đã đặt ra. Điều này có nghĩa là trong nước, và ngay trong ĐCSVN, đã xuất hiện tâm trạng “chợ chiều”: người ta tin rằng có ngày, hoặc xa hoặc gần, mà có lẽ gần hơn xa, chế

độ cộng sản Việt Nam sẽ “đẹp tiêm.” Lúc đó, nhân dân Việt Nam phải có một hợp đồng xã hội mới để điều tiết quan hệ giữa công dân với nhau, và giữa công dân và chính quyền.

Hợp đồng này phải nói rõ những mục tiêu của quốc gia Việt Nam, ấn định rõ ràng những quyền lợi và bổn phận của người dân, đặc biệt là về phương diện nhân quyền và dân quyền. Nó phải ấn định rõ ràng quyền hành của các cơ quan Nhà nước, v.v... Thật ra, một phần lớn của cái mới đã có sẵn trong cái cũ, trong những điều căn bản của Tuyên ngôn độc lập 1945 và Hiến pháp 1946. Nó chỉ cần được bổ túc. Điều quan trọng nhất là phải ấn định rõ ràng những phương thức để bảo đảm những mục tiêu lớn mà nhân dân ưu tư nhất: chủ quyền quốc gia và độc lập thực sự, chủ quyền nhân dân thực sự, tự do dân chủ thực sự, quyền tư hữu tư sản trong những giới hạn rõ ràng, sự dung hòa quyền lợi cá nhân với quyền lợi cộng đồng, công bằng xã hội, sự giới hạn quyền hành của các cơ quan nhà nước và quyền chống đối và nổi dậy của dân khi chính quyền trống rỗng vi phạm hợp đồng xã hội.

Dù sao, các đoàn thể, tổ chức, cá nhân liên hệ và có khả năng nên dự thảo một bản hợp đồng để, lúc cần, đưa ra cho nhân dân cứu xét và chấp thuận. Công cuộc này cần phải có một sự tham khảo, thảo luận rộng rãi giữa tất cả những thành phần nói trên, ngoài nước và trong nước, nhất là với những người đã theo Việt Minh và ĐCSVN trong những năm 1945-1950, và đã bị lừa gạt một cách trắng trợn và lợi dụng một cách bỉ ổi, nay đã thức tỉnh và can đảm lên tiếng nói lên sự thật. Hơn tất cả các người khác, những người này biết rõ phải làm gì để tránh tái diễn một “bú 1951” thứ hai. Âu đây cũng là một dịp tốt để các đoàn thể, tổ chức, nhân vật ưu tư về tương lai của xứ sở thực hiện sự đoàn kết mà mọi người đều kêu gọi và trông đợi.

Riêng tôi, tôi ước nguyện sớm được thấy một bản thảo về hợp đồng ấy. •

Chú thích

- (1). Nguyễn Ngọc Minh: *Nghiên cứu những tư tưởng của Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật*, NXB Sự Thật, Hà Nội, 1988.
- (2). Đỗ Xuân Sang: *Aperçu sur les Institutions de la République Démocratique du Viet Nam* (Đại cương về Hiến pháp Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa), Hanoi, Editions en Langues étrangères, 1972, tr.21
- (3). Võ Nguyên Giáp, *Tư tưởng Hồ Chí Minh, quá trình hình thành và phát triển*, NXB Sự Thật, Hà Nội, 1993, tr.12
- (4). Francois Furet, *Le passé d'une illusion: essai sur l'idée communiste au XX^e siècle*, Robert Lafont/Calmann Levy, Paris 1995. •